

Phần Thứ Ba Mười Một:  
**XỨ CỦA PHÁP KIẾN ĐOẠN, TƯ DUY ĐOẠN, BẤT ĐOẠN**

Pháp kiến đoạn, pháp tư duy đoạn, pháp bất đoạn:

Hỏi: Thế nào là pháp kiến đoạn?

Đáp: Là kiên tín, kiên pháp, khi quán thì nhẫn đoạn. Đây là gì? Là kiến đoạn tám mươi tám sử và pháp tương ứng với sử kia, gọi là pháp kiến đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp tư duy đoạn?

Đáp: Là tư duy đoạn những kiến hoặc của bậc Học ở trên còn sót. Nghĩa là gì? Là tư duy dứt mười sử và pháp tương ứng với sử kia. Đây gọi là pháp tư duy đoạn.

Hỏi: Thế nào là pháp bất đoạn?

Đáp: Là duyên hết những pháp đếm được, những pháp không đếm được nhiều như hư không của bậc Học và Vô học. Đây gọi là pháp bất đoạn

Hỏi: Vì sao nói kiến đoạn, tư duy đoạn? Như kiến không lìa tư duy, tư duy không lìa kiến.

Hỏi: Kiến là tuệ, tư duy là chẳng buông lung, pháp nào là chân thật?

Đáp: Trong đây sự chân thật như: Người ít kiến đạo thì phải nhiều tuệ không buông lung, người ít tư duy đạo phải nhiều không buông lung, tuệ ít. Cho nên trong đây nói chân thật ít.

Lại có thuyết nói: Trong đây nói là chân thật bằng nhau. Kiến đạo tất cả tuệ cũng bằng với không buông lung. Tư duy đạo thì tất cả không buông lung bằng với tuệ. Cho nên, nói trong đó chân thật bằng nhau.

Pháp kiến đoạn, pháp tư duy đoạn:

Tôn giả Bà-tu-mật nói: Như khi thấy bốn Thánh đế, dứt trừ tất cả kiết.

Hỏi: Vì sao nói pháp kiến đoạn, pháp tư duy đoạn?

Đáp: Vì kiến đoạn dùng kiến để trừ, dùng kiến để xả (bỏ) nên nói là kiến đoạn.

Lại có người nói: Vừa là tư duy đoạn, vừa là kiến đoạn, chỉ dùng kiến để đoạn, dùng kiến để trừ gọi là kiến xả, nên nói là Kiến đoạn.

Hỏi: Vì sao nói tư duy đoạn?

Đáp: Vì tư duy kia, tức do tu tập đạo, tu tập nhiều, thường dứt trừ, một ít một ít đoạn trừ, từng phẩm từng phẩm đoạn trừ, từng chút từng chút đoạn trừ, dần dần trừ, sao cho chúng ngày càng mỏng đi, thế nên

nói là tư duy đoạn.

Lại có thuyết nói: Kiến đoạn, cũng là tư duy đoạn. Song tư duy kia tức do đạo tu tập, tu tập nhiều, thường thường đoạn, đoạn một ít một ít, đoạn từng phẩm từng phẩm một, đoạn từng chút từng chút, đoạn dần dần cho nó mỏng đi. Cho nên nói là tư duy đoạn.

Hỏi: Thuyết kia nói gì?

Đáp: Thuyết kia nói: Kiến đạo là đạo nhạy bén. Kiến đạo kia khởi đầu là dùng một thứ tuệ để dứt trừ chín thứ kiết. Tư duy đạo là đạo chậm lụt, người ấy thường thực hành, dùng chín thứ tuệ dứt trừ chín thứ kiết. Như hai con dao cắt một chỗ, dao thứ nhất bén, dao thứ hai lụt. Dao bén vừa nhấn xuống liền dứt, con dao lụt, phải nhấn xuống vài lần mới dứt. Cũng thế, kiến đạo là đạo nhạy bén. Đạo ấy, khởi sự là dùng một thứ tuệ để dứt trừ chín thứ kiết: đạo tư duy là đạo chậm lụt, đạo ấy thường thực hành dùng chín thứ tuệ để cắt dứt chín thứ kiết.

Lại có thuyết nói: Kiến đạo cũng dùng chín thứ tuệ để dứt trừ chín thứ kiết, tư duy đạo cũng dùng chín thứ tuệ để cắt dứt chín thứ kiết. Như trúng nhiều chất độc trong người ai không muốn nhổ ra một lúc.

Hỏi: Nếu như vậy, đâu được cho kiến đạo là đạo nhạy bén?

Đáp: Sở dĩ kiến đạo là đạo nhạy bén, như tư duy đạo dùng chín thứ tuệ dứt chín thứ kiết. Như thế, kiến đạo cũng dùng chín thứ tuệ dứt trừ chín thứ kiết, song về tốc độ thì dứt trừ nhanh chóng hơn đạo tư duy kia, cho nên nói kiến đạo là đạo nhạy bén.

Thuyết ấy, ở đây không nói. Như ở trước nói: Kiến đạo dùng một thứ tuệ dứt trừ chín thứ kiết, tư duy đạo dùng chín thứ tuệ đoạn chín thứ kiết.

Hoặc nói: Đạo phân nhiều dùng kiến để dứt trừ kiết, đây gọi là kiến đoạn. Tư duy đạo phân nhiều dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Ba tướng của đạo: tướng của mắt, của ánh sáng, của tuệ dứt trừ kiết là kiến đoạn. Bốn tướng của đạo: tướng của mắt, ánh sáng, trí, tuệ dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Bốn tướng của đạo: tướng của mắt, của ánh sáng, giác, tuệ cùng dứt trừ kiết là kiến đoạn. Tướng của năm đạo: tướng của mắt, ánh sáng, trí tuệ cùng dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Là bốn tướng của đạo, tướng mắt, ánh sáng, giác, tuệ dứt trừ kiết là Kiến đoạn. Là năm tướng của Đạo: Tướng mắt, ánh sáng, giác, trí, tuệ dứt trừ kiết là Tư duy đoạn.

Hoặc nói: Nhấn dứt trừ kiết là kiến đoạn. Trí dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Vị tri căn dứt trừ kiết là kiến đoạn, dĩ tri căn dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Dứt trừ kiết, như dùng phương tiện đập vỡ đá, là kiến đoạn. Dứt trừ kiết, như dùng phương tiện để kéo sợi tơ của ngó sen là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Chưa kiến đế, khi kiến đế thì dứt trừ kiết là kiến đoạn. Khi đã thấy đế, thấy đế dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Dùng sức mạnh dứt trừ kiết, như Ma-ha Năng-già là kiến đoạn. Dứt trừ kiết, như đập lên trên đồ sành ngói là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Lúc dứt bỏ kiết, tu trí khác, tu nhận biết khác, tu hạnh khác là kiến đoạn. Lúc dứt trừ kiết, tu trí không khác, tu nhận biết không khác, tu hạnh không khác, là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Hưởng, không thành tựu quả dứt trừ kiết là kiến đoạn. Là hưởng, thành tựu quả dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Chẳng phải dứt trừ một ít một ít là kiến đoạn, dứt trừ từng chút từng chút kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Kiên tín, Kiên pháp dứt trừ kiết là kiến đoạn. Tín giải thoát, kiến đoạn, thân chứng, dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Bắt đầu khởi đạo dứt trừ kiết là kiến đoạn, thường dấy khởi đạo, dứt trừ kiết là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Dứt trừ kiết, gồm nhiếp bốn quả Sa-môn là kiến đoạn. Dứt trừ kiết, hoặc gồm thân ba quả, hoặc hai, hoặc một quả là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Đạo đoạn trừ kiết chẳng thay thế là kiến đoạn, đạo dứt trừ kiết hoặc thay thế, hoặc không thay thế là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Đã dứt trừ kiết, không lui sụt là kiến đoạn, đã dứt trừ kiết, hoặc lui sụt, hoặc không lui sụt là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Đã giải thoát không còn bị trói buộc là kiến đoạn. Đã giải thoát, hoặc bị ràng buộc, hoặc không bị ràng buộc, là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Đã lìa không còn bị trói buộc là kiến đoạn. Đã lìa bỏ hoặc còn trói buộc, hoặc không còn trói buộc, là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Lúc dứt trừ kiết, hẳn không trở ngại đạo, trí giải thoát đạo, là kiến đoạn. Lúc dứt trừ kiết, trí không trở ngại đạo, trí giải thoát đạo là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Lúc dứt trừ kiết, hẳn nơi đạo phương tiện, hẳn nơi đạo vô ngại, trí đạo giải thoát, là kiến đoạn, Lúc dứt trừ kiết, trí đạo phương tiện, trí đạo vô ngại, trí đạo giải thoát là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Lúc dứt trừ kiết, bốn hành tu đạo là kiến đoạn, lúc dứt

---

trừ kiết, mười sáu hạnh tu đạo là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Lúc dứt trừ kiết, duyên mỗi đế tu đạo là kiến đoạn. Khi dứt trừ kiết, duyên bốn đế tu đạo là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Khi dứt trừ kiết có một lúc giống như tu đạo tức là kiến đoạn. Khi dứt trừ kiết, giống hay không giống như tu đạo là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Khi dứt trừ kiết, tu một tam-muội là kiến đoạn. Khi dứt trừ kiết tu tập ba Tam-muội là tư duy đoạn.

Hoặc nói: Lúc dứt trừ kiết không dừng lại là kiến đoạn, khi dứt trừ kiết, hoặc dừng lại, hoặc không dừng lại, là tư duy đoạn.

Còn lại là Bất đoạn

Đã nói rộng về xứ của kiến đoạn, tư duy đoạn, vô đoạn xong.

\* \* \* \* \*